

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN PHỔI

Số: 251 /TM-BVP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Nghệ An, ngày 27 tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Phổi Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **“Mua sắm thuốc cho Bệnh viện Phổi Nghệ An năm 2025-2027”** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Nghệ An
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Bà Đặng Thị Ngọc Huyền –Tổ đấu thầu;
 - Địa chỉ: Bệnh viện Phổi Nghệ An, xã Nghi Vạn- huyện Nghi Lộc- Nghệ An.
 - Số điện thoại: 0978713236
 - Email: dauthau.bvpna@gmail.com

3. Các thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp có thể gửi báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận qua Email: dauthau.bvpna@gmail.com;
- Nhận qua đường bưu chính, thông tin như sau:

Bà Đặng Thị Ngọc Huyền –Tổ đấu thầu;

Bệnh viện Phổi Nghệ An (Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.)

Số điện thoại: 0978713236

Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 27/03/2025 đến hết ngày 07/04/2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.)

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 07/04/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá gồm:

- Bảng báo giá gồm đầy đủ các thông tin chi tiết theo yêu cầu tại Phụ lục 1 kèm theo.
- Phụ lục 2,3,4: Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá



2. Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp hàng hóa như sau:

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Phổi Nghệ An (địa chỉ: Xã Nghi Vạn, Huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Năm 2025-2027

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm, có năng lực cung ứng gửi báo giá và các tài liệu liên quan.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, TĐT.

GIÁM ĐỐC



Đậu Huy Hoàn



PHỤ LỤC 1
BIỂU MẪU HỒ SƠ BÁO GIÁ
(Kèm theo thư mời số: 29/TM-BVP ngày 24 tháng 5 năm 2025)

Kính gửi: Bệnh viện Phổi Nghệ An

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Phổi Nghệ An, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các công việc như sau:

1. Báo giá cung cấp cho gói thầu:

STT	Mã HH	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VAT)	Số QĐ trúng thầu	Ngày trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	Tên BV/SYT trúng thầu
1														
2														
n					...									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.... Ngày (Tối thiểu 120 ngày) kể từ ngày 07/04/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁰⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



PHỤ LỤC 2. DANH MỤC THUỐC GENERIC MỜI BÁO GIÁ ĐẦU THẦU NĂM 2025 - 2027

TT	Mã HH	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	GE001	Fentanyl	2	0,1mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	5.000
2	GE002	Fentanyl	5	0,1mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	5.000
3	GE003	Fentanyl	1	0,1mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	7.000
4	GE004	Fentanyl	5	0,5mg/10 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	3.000
5	GE005	Morphin	1	Morphin dạng muối 10mg/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	2.000
6	GE006	Morphin	4	Morphin dạng muối 10mg/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	3.000
7	GE007	Pethidin hydroclorid	1	100mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
8	GE009	Midazolam	1	5mg/1ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
9	GE010	Midazolam	4	5mg/ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	15.000
10	GE011	Midazolam	1	5mg/5ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
11	GE012	Diazepam	1	10mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	500
12	GE013	Diazepam	4	10mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	500
13	GE014	Diazepam	1	5mg	Uống	Viên	Viên	12.000
14	GE015	Phenobarbital	4	10mg	Uống	Viên	Viên	5.000
15	GE016	Phenobarbital	2	10 mg	Uống	Viên nén	Viên	5.000
16	GE017	Phenobarbital	2	100mg	Uống	viên	Viên	5.000
17	GE018	Phenobarbital	5	100mg/1 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	200
18	GE027	Amoxicilin + acid clavulanic	2	1g+ 0,1g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	30.000
19	GE031	Amoxicilin + acid clavulanic	2	2000mg + 200mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	20.000
20	GE036	Azithromycin	2	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	2.000
21	GE042	Cefamandol	4	2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
22	GE044	Cefepim	4	2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
23	GE074	Ciprofloxacin	2	400mg/200ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	5.000
24	GE095	Tobramycin	4	80mg/2ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	100.000
25	GE170	Carbocistein	4	375mg	Uống	Viên phân tán	Viên	50.000
26	GE177	Codein + terpin hydrat	4	5mg + 200mg	Uống	Viên	Viên	100.000
27	GE217	Methyl prednisolon	4	40mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	30.000
28	GE218	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	1	40mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Ống	40.000

TT	Mã HH	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
29	GE229	Propofol	1	200mg	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	3.000
30	GE230	Sevofluran	1	100%/25 0ml	Đường hô hấp, khí dung	Thuốc gây mê đường hô hấp	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	200
31	GE231	Levobupivacain	4	50mg/10 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	1.000
32	GE232	Levobupivacain	1	5mg/ml; 10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	1.000
33	GE233	Phenylephrin	1	500mcg/ 10ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	300
34	GE234	Ropivacain hydroclorid (dưới dạng Ropivacain hydroclorid monohydrat) 20mg/ 10ml	4	Ropivacain dạng muối 20mg/10 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	5.000
35	GE432	Bacillus clausii	4	1.10^9 - 2.10^9 cfu	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
36	GE448	Vitamin B1 + B6 + B12	2	100mg + 100mg + 150mcg	Uống	Viên	Viên	20.000
37	GE008	Pethidin hydroclorid	2	100mg/2 ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
38	GE183	Terbutalin	4	5 mg	Uống	viên nén	viên	20.000
39	GE198	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)	4	100µg (mcg)	Đường hô hấp	Hỗn dịch xịt chứa trong bình định liều	Bình	1.000
40	GE228	Ketamin	2	500mg/1 0ml	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	2.000
41	GE353	Natri clorid	4	60mg/1ml	Khí dung	Dung dịch dùng cho khí dung	Ống	40.000
42	GE495	Isoniazid	4	300mg	Uống	Viên nén	Viên	30.000
43	GE496	Isoniazid	4	50mg	Uống	Viên	Viên	5.000
44	GE497	Pyrazinamid	4	500mg	Uống	Viên nén	Viên	42.000
45	GE498	Rifampicin + Isoniazid	3	150mg + 100mg	Uống	Viên nén	Viên	150.000
46	GE499	Ethambutol hydroclorid	4	400mg	Uống	Viên nén	Viên	30.000
47	GE500	Ethambutol hydroclorid	3	400mg	Uống	Viên nén	Viên	180.000
48	GE501	Rifampicin	3	150mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000
49	GE502	Rifampicin	4	300mg	Uống	Viên nang	Viên	25.000
50	GE503	Streptomycin	4	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000
51	GE032	Amoxicilin+ Acid clavulanic	4	1g + 0,2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	20.000

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC MỜI BÁO GIÁ ĐẦU THẦU NĂM 2025 - 2027

TT	Mã HH	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Đơn vị tính	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1		Pipecuronium Bromide	Arduan hoặc tương đương điều trị	Chai/ Lọ/Ống/ Túi/ Gói	4mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/Ống/ Túi/ Gói	5000
2		Rocuronium bromide	Esmeron hoặc tương đương điều trị	Chai/ Lọ/Ống/ Túi/ Gói	50mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/ Lọ/Ống/ Túi/ Gói	500

PHỤ LỤC 4. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN MỜI BẢO GIÁ ĐẦU THẦU NĂM 2025 - 2027

TT	Mã HH Mới	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng
1	N002	Herba Elsholtziae ciliatae; Schizonepetae Herba	Đoạn ngọn cành mang lá, hoa	Nhóm 2	Kinh giới	Thái phiến; phiến khô, đoạn dài khoảng 2-3cm, thân vuông, có lông mịn, màu nâu sáng, mùi thơm đặc trưng, vị cay.	TCCS	Kg	40
2	N004	Ramulus Cinnamomi	Cành	Nhóm 2	Quế chi	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg	40
3	N009	Radix Puerariae thomsonii	Rễ củ	Nhóm 2	Cát căn	Phiến dài khoảng 3 - 5 cm, dày 3 - 4 mm; mặt ngoài có màu trắng hơi vàng, bên trong phiến có màu trắng.	TCCS	Kg	30
4	N093	Herba Passiflorae	Phần trên mặt đất	Nhóm 2	Lạc tiên	Thái ngắn, khô, sạch.	TCCS	Kg	30
5	N108	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Nhóm 2	Trần bì	Trần bì sao vàng: Là những sợi hoặc mảnh nhỏ màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg	50
6	N161	Arillus Longan	Áo hạt của quả	Nhóm 2	Long nhãn	Miếng dày, mềm, dẻo, sờ không dính tay, màu cánh gián hoặc nâu.	TCCS	Kg	40
7	L003	Radix Saposlmikoviaae divaricatae	Rễ	Nhóm 3	Phòng phong	Phiến dày 1 - 2mm, màu nâu xám, chắc, lõi màu vàng nhạt, mùi thơm, vị đặc trưng, hơi ngọt.	TCCS	Kg	40
8	L013	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Nhóm 3	Độc hoạt	Thái phiến; dày 1 - 2mm, khô nhuận, màu nâu xám, vị cay, rất đắng.	TCCS	Kg	40
9	L015	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ và rễ	Nhóm 3	Khương hoạt	Thái phiến; dày khoảng 5 mm màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.	TCCS	Kg	30
10	L019	Radix Gentianae macrophyllae	Rễ	Nhóm 3	Tân giao	Thuốc phiến khô (thái lát hoặc cắt khúc ngắn, phơi khô).	TCCS	Kg	40
11	L020	Rhizoma Zingiberis	Thân rễ	Nhóm 3	Can khương	Sao vàng; Vị thuốc Can khương là những phiến mỏng có kích thước dài 3 - 5 cm, dày 3 - 5 mm, mặt ngoài phiến có màu hơi vàng, nhám có vị cay, thơm mùi gừng.	TCCS	Kg	30
12	L048	Rhizoma Homalomenae occultae	Thân rễ	Nhóm 3	Thiên niên kiện	Phiến to dày 3mm, mặt ngoài màu nâu nhạt hay nâu sẫm, có nhiều xơ cứng, màu nâu nhạt hay nâu sẫm, một số sợi màu vàng ngà lờm chớm như bàn chải. Mùi thơm hắc, vị cay.	TCCS	Kg	40
13	L051	Radix et Rhizoma Clematidis	Thân, rễ	Nhóm 3	Uy linh tiên	Đoạn dài khoảng 2 - 3cm, khô, sạch.	TCCS	Kg	30
14	L054	Bulbus Fritillariae	Thân hành	Nhóm 3	Xuyên bối mẫu	Rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.	TCCS	Kg	30
15	L056	Radix Platycodi grandiflori	Rễ	Nhóm 3	Cát cánh	Chích mật; phiến dày khoảng 2 - 3 mm, màu vàng nhạt, sẫm màu hơn Cát cánh phiến, vị ngọt nhẹ sau hơi đắng và hơi nhớt trong miệng, dễ hút ẩm.	TCCS	Kg	30
16	L064	Herba Passiflorae	Phần trên mặt đất	Nhóm 3	Lạc tiên	Thái ngắn, khô, sạch.	TCCS	Kg	30
17	L069	Radix Polygalae	Rễ	Nhóm 3	Viễn chí	Viễn chí chích cam thảo: Là những mảnh hoặc đoạn vỏ rỗng có màu vàng đậm, có những nếp nhăn và đường nứt ngang. Vị đắng nhẹ, hơi cay, hơi ngọt	TCCS	Kg	30
18	L081	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Nhóm 3	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	Đương quy chích rượu: là những phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.	TCCS	Kg	50
19	L090	Radix Paeoniae	Rễ	Nhóm 3	Xích thược	Phiến mỏng, khô, sạch, dày khoảng 3 - 5mm.	TCCS	Kg	30
20	L096	Poria	Thể quả nấm	Nhóm 3	Bạch linh (phục linh)	Gọt vỏ, thái phiến; Vị thuốc Bạch linh là phiến không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thể chất chắc hơi xốp.	TCCS	Kg	40
21	L103	Semen Coicis	Hạt	Nhóm 3	Ý dĩ	Ý dĩ sao vàng với cám: Hạt hình trứng ngắn hay hơi tròn, dài 0,5 - 0,8 cm, đường kính 0,2 - 0,5 cm. Mặt ngoài màu vàng nhạt, bên trong màu trắng hay trắng ngà. Mùi thơm.	TCCS	Kg	40
22	L117	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ	Nhóm 3	Bạch thược	Chích rượu, sao: Là những phiến mỏng, khô, thẳng hay hơi cuộn lại, có màu vàng nhạt, mùi thơm	TCCS	Kg	30

TT	Mã HH Mới	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Số lượng
24	L128	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Nhóm 3	Bạch truật	Bạch truật sao cám mật: Vị thuốc Bạch truật là các phiến màu vàng thẫm, cạnh hơi xém, bề chất cứng, Bạch truật sao cám mật có vị đắng, hơi ngọt.	TCCS	Kg	30
25	L129	Radix Glycyrrhizae	Rễ	Nhóm 3	Cam thảo	Chích mật; phiến dày 1 - 2 mm; vị thuốc Cam thảo có màu vàng đậm. Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.	TCCS	Kg	30
26	L131	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Nhóm 3	Cốt toái bồ	Sao vàng; Vị thuốc Cốt toái bồ có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.	TCCS	Kg	30
27	L132	Fructus Ziziphi jujubae	Quả chín	Nhóm 3	Đại táo	Là những quả khô, sạch	TCCS	Kg	40
28	L133	Radix Codonopsis	Rễ	Nhóm 3	Đảng sâm (đảng sâm sao)	Đảng sâm chích gừng: Là những phiến thuốc, khô, sạch, màu trắng ngà, nhuận, mùi thơm, vị hơi ngọt.	TCCS	Kg	40
29	L134	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	Nhóm 3	Đỗ trọng	Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bề có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính dãn hồi như cao su.	TCCS	Kg	50
30	L135	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Nhóm 3	Hoài sơn	Sao vàng; phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bẻ ra bên trong có màu trắng, mùi thơm.	TCCS	Kg	40
31	L136	Radix Astragali membranacei	Rễ	Nhóm 3	Hoàng kỳ	Hoàng kỳ chích mật: Hoàng kỳ bề ngoài có màu vàng nâu, hơi bóng, có mùi thơm và vị ngọt	TCCS	Kg	40
32	L140	Radix Dipsaci	Rễ	Nhóm 3	Tục đoạn	Tục đoạn phiến: Là những đoạn ngắn không quá 2 cm. Mặt cắt thấy rõ hai lớp, chúng quanh màu nâu đen, lõi giữa có hoa văn màu vàng. Vị đắng hơi chát.	TCCS	Kg	40
33	L144	Semen Armeniacae amarum	Hạt	Nhóm 3	Hạnh nhân	Hạt quả mơ phơi khô	TCCS	Kg	40

